

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21/07/2016.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21/07/2016, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture And Food Joint Stock Company

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà 905 CT1-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở giao dịch: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 27/03/2015. Mã chứng khoán: HKB.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT
Trần Minh Tuấn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/07/2018)
Bùi Thuỳ Anh	Thành viên
Trương Danh Hùng	Thành viên
Trần Đình Dũng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 20/07/2018)
Đỗ Thái Anh	Thành viên độc lập

##### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/07/2018)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Dương Quang Lư**  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIỂM TOÁN  
CPA VIETNAM  
HÀ NỘI

Số: 314/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp  
và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 287/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ký ngày 27/03/2018 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Theo đó:

- Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền đầu tư tương ứng là 354.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 83,42% Vốn Điều lệ Công ty con) và 80.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 88,89% Vốn Điều lệ Công ty con). Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 nêu trên của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn chưa được Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về nội dung thay đổi phương án sử dụng vốn và Công ty phải chịu mọi trách nhiệm trước mọi khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) liên quan đến việc thay đổi phương án nêu trên.

- Như đã trình bày tại Mục 4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam dùng toàn bộ số vốn điều lệ 410 tỷ đồng để mua 3.416.666 cổ phần; Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai dùng toàn bộ số vốn điều lệ 90 tỷ đồng để mua 750.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng; với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Giá giao dịch 120.000 đồng/Cổ phần được xác định theo kết quả Chứng thư thẩm định giá số 246/2016/CTTĐG-CIMEICO của Công ty TNHH Định giá Cimeico.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại mục 6.3 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần 2) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc đã ra nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HKB ngày 20/07/2018. Theo Điều 8 Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng Quản trị quyết định một số thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc này cần được xem xét đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 135 Chương V, và Điều 162 Chương V Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

Như đã trình bày tại mục 4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. tại ngày 31/12/2018 Công ty có nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 123.222.059.221 đồng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 giảm 78,89% so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 là (142.746.495.145) đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018 là (149.099.461.705) đồng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**Nguyễn Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 2999-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.643.511.979</b>	<b>182.826.517.392</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>72.057.741</b>	<b>259.434.265</b>
1. Tiền	111		72.057.741	259.434.265
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.4</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.610.399.114</b>	<b>178.148.043.872</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	78.963.379.292	127.111.668.888
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.246.224.449	2.809.461.696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	52.751.753.761	51.967.585.736
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(79.350.958.388)	(3.740.672.448)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>23.000.000</b>	<b>1.006.456.503</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.799.806.381	1.799.806.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.776.806.381)	(793.349.878)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.938.055.124</b>	<b>3.412.582.752</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.936.185.607	3.412.582.752
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.869.517	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>508.155.882.604</b>	<b>556.197.098.047</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71.041.193.361</b>	<b>74.880.291.072</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	63.200.329.726	67.039.427.437
- Nguyên giá	222		76.425.940.404	76.425.940.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.225.610.678)	(9.386.512.967)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	7.840.863.635	7.840.863.635
- Nguyên giá	228		7.840.863.635	7.840.863.635
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.359.582.739</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.517.477.163	40.359.582.739
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.4</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.000.000.000	28.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.072.790.024</b>	<b>10.271.822.552</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	11.072.790.024	10.271.822.552
<b>VII Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>357.524.422.056</b>	<b>402.685.401.684</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>565.799.394.583</b>	<b>739.023.615.439</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>181.104.341.200</b>	<b>211.652.744.066</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>180.865.571.200</b>	<b>162.516.705.316</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	15.173.552.344	13.577.186.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	3.461.170.295	4.334.711.314
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	50.855.000	126.156.274
4. Phải trả người lao động	314		3.144.660.084	2.261.394.227
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	11.678.349.563	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	27.344.075.924	27.251.906.559
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	119.835.702.990	114.788.145.037
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		177.205.000	177.205.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>238.770.000</b>	<b>49.136.038.750</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	238.770.000	49.136.038.750
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>384.695.053.383</b>	<b>527.370.871.373</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>384.695.053.383</b>	<b>527.370.871.373</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	515.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515.999.990.000	515.999.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.516.904.967	15.516.904.967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(149.099.461.705)	(16.706.389.354)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.514.186.164)	35.312.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(142.585.275.541)	(16.741.702.037)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.277.620.121	12.560.365.760
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>565.799.394.583</b>	<b>739.023.615.439</b>

Người lập



Nguyễn Hoàng Nam

Kế toán trưởng



Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT  
 kiêm Tổng Giám đốc



Dương Quang Lư



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	29.373.870.977	139.170.535.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	6.591.501.000	220.288.800
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10		22.782.369.977	138.950.247.066
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	20.498.821.003	156.785.497.097
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		2.283.548.974	(17.835.250.031)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	88.916.253	580.598.520
7. Chi phí tài chính	22	5.23	14.709.286.606	9.133.759.996
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.675.011.321	6.650.454.195
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.24	545.196.368	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	130.008.361.992	62.109.781.050
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		(142.890.379.739)	(88.498.192.557)
{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}				
12. Thu nhập khác	31		740.764.869	24.150.683.405
13. Chi phí khác	32		596.880.275	3.031.389.714
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		143.884.594	21.119.293.691
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		(142.746.495.145)	(67.378.898.866)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		(142.746.495.145)	(67.378.898.866)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(142.585.275.541)	(67.289.559.934)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(161.219.604)	(89.338.932)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	(2.763,28)	(1.304,06)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.26	(2.763,28)	(1.304,06)

Người lập



Nguyễn Hoàng Nam

Kế toán trưởng



Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT  
 kiêm Tổng Giám đốc



Dương Quang Lư

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(142.746.495.145)	(67.378.898.866)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			140.211.603.253	33.958.469.097
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.839.097.711	49.108.088.106
- Các khoản dự phòng	03		76.593.742.443	1.302.972.103
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(50.780.991)	724.070.154
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		45.154.532.769	(23.827.115.461)
- Chi phí lãi vay	06		14.675.011.321	6.650.454.195
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(2.534.891.892)	(33.420.429.769)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.649.192.073	2.982.211.927
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	34.342.412.634
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.289.438.415)	31.996.607.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(800.967.472)	(64.788.262)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.239.376.590)	(6.650.454.195)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.962.396)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4.250.444.692)	29.185.559.809
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(157.894.424)	(1.344.891.430)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	82.872.727
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.185.942	4.986.225
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(154.708.482)	(1.257.032.478)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền thu từ đi vay	33		85.275.079.670	167.823.585.052
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.057.303.020)	(214.972.937.980)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4.217.776.650	(47.149.352.928)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		(187.376.524)	(19.220.825.597)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		259.434.265	19.480.259.862
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	72.057.741	259.434.265

Người lập



Nguyễn Hoàng Nam

Kế toán trưởng



Lê Văn Quang



Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT  
 kiêm Tổng Giám đốc

Đương Quang Lư

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21/07/2016.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21/07/2016, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture And Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà 905, CT1-2, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở giao dịch: Số 08, Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 27/03/2015. Mã chứng khoán: HKB.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 20 người (tại ngày 31/12/2017 là 48 người).

Số lao động bình quân trong kỳ: 20 người

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt, thủy sản, rau, quả, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
  - Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn keo hóa học; - Bán buôn nhang, hương và các chế phẩm có mùi thơm khi đốt cháy; - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
  - Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
  - Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm);
  - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Sản xuất hoá chất cơ bản;
  - Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá; - Môi giới thương mại;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
  - Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; - Sản xuất hương các loại;
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sản lát;
  - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc;
  - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
  - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, Đá quý, bột thạch anh, mica;
  - Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm);
  - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu têt bện;
  - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
  - Đúc kim loại màu;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao./.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh nông sản và cho thuê kho;

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
1	Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	88,89 %
2	Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ	83,42 %
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>				
1	Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tân Hưng		Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	70,33 %
<b>Đơn vị liên kết</b>				
1	Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường		Cung cấp dịch vụ, vật tư nông nghiệp; Xây xát; SXKD giống cây trồng, vật nuôi; Dịch vụ mua bán XNK nông, lâm, thủy sản và phụ phẩm nông nghiệp	39,63%
<b>Đơn vị trực thuộc</b>				
1	Chi nhánh Gia Lai			

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2018 Công ty có nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 123.222.059.221 đồng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 giảm 78,89% so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 là (142.746.495.145) đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018 là (149.099.461.705) đồng, thực tế này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty cho các năm tài chính tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Hợp tác đầu tư khai thác rừng trồng tại Tiểu khu 228, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
  - Đàm phán gia hạn thanh toán các khoản công nợ vay cá nhân
- Ban Tổng Giám đốc tin tưởng công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

###### Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

##### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

##### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

010  
NG  
NH  
M T  
VI  
I A N

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong năm tài chính 2016 từ giao dịch:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam dùng toàn bộ số vốn điều lệ 410 tỷ đồng để mua 3.416.666 cổ phần; Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai dùng toàn bộ số vốn điều lệ 90 tỷ đồng để mua 750.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng (1); với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Giá giao dịch 120.000 đồng/Cổ phiếu được xác định theo kết quả Chứng thư thẩm định giá số 246/2016/CTTĐG-CIMEICO của Công ty TNHH Định giá Cimeico

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nông sản và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	11.276.754	22.435.393
Tiền gửi ngân hàng	60.780.987	236.998.872
<b>Tổng</b>	<b>72.057.741</b>	<b>259.434.265</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b></i>	<b>78.963.379.292</b>	<b>127.111.668.888</b>
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	55.091.151.246	53.978.627.581
Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	20.079.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	3.793.228.046	53.054.041.307

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b></i>	<b>2.246.224.449</b>	<b>2.809.461.696</b>
Công ty CP Sapa Thale Holding	900.000.000	900.000.000
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	599.400.000
Công ty CP Xây dựng số 9	122.930.435	122.930.435
Doan nghiệp tư nhân Phước Toàn	109.599.096	109.599.096
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	514.294.918	1.077.532.165

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	28.000.000.000	(*)	-	28.000.000.000
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	28.000.000.000		-	28.000.000.000

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.5 Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	52.751.753.761	-	51.967.585.736	-
Tạm ứng	52.700.898.761	-	51.896.730.736	-
Phải thu khác	50.855.000	-	70.855.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

4.6 Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018		Thời gian quá hạn	Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	79.350.958.388	-	4.143.607.142	402.934.694		
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	55.091.151.246	-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	-	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400	-	3.090.492.400	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	-	599.400.000	299.700.000	Trên 3 năm	Từ 1 năm đến 2 năm
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646	-	281.115.646	84.334.694	Trên 3 năm	Từ 2 năm đến 3 năm
DNTN Phước Toàn	109.599.096	-	109.599.096	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Hệ kinh doanh Ngọc Phương Nam	63.000.000	-	63.000.000	18.900.000	Trên 3 năm	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dịch Vụ Thương Mại T&T	37.200.000	-	-	-		
<b>Tổng</b>	<b>79.350.958.388</b>	<b>-</b>	<b>4.143.607.142</b>	<b>402.934.694</b>		

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	942.091.261	942.091.261	942.091.261	-	
Công cụ, dụng cụ	23.000.000	23.000.000	23.000.000	-	
Thành phẩm	8.565.242	8.565.242	8.565.242	-	
Hàng hóa	826.149.878	803.149.878	826.149.878	793.349.878	
<b>Tổng</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>1.776.806.381</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>793.349.878</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

.8 Tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	64.668.786.292	6.116.879.934		2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	64.668.786.292	6.116.879.934		2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.942.808.872	1.326.941.175		357.768.169	6.083.703	752.911.048	9.386.512.967
Tăng trong năm	2.912.919.660	534.242.019		186.970.092	12.733.332	192.232.608	3.839.097.711
Khấu hao trong năm	2.912.919.660	534.242.019		186.970.092	12.733.332	192.232.608	3.839.097.711
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.855.728.532	1.861.183.194		544.738.261	18.817.035	945.143.656	13.225.610.678
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	57.725.977.420	4.789.938.759		2.282.696.963	110.236.297	2.130.577.998	67.039.427.437
Tại ngày cuối năm	54.813.057.760	4.255.696.740		2.095.726.871	97.502.965	1.938.345.390	63.200.329.726

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	7.840.863.635	7.840.863.635
Số dư cuối năm	7.840.863.635	7.840.863.635
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	7.840.863.635	7.840.863.635
Tại ngày cuối năm	7.840.863.635	7.840.863.635

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Xây dựng cơ bản dở dang	40.517.477.163	40.359.582.739
<i>Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến nông sản Hà Nội - Kinh Bắc Quy Nhơn</i>	40.517.477.163	40.359.582.739
<b>Tổng</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.359.582.739</b>

**5.11 Chi phí trả trước**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Dài hạn</i>	11.072.790.024	10.271.822.552
Chi phí thuê đất và công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.072.790.024	10.271.822.552
<b>Tổng</b>	<b>11.072.790.024</b>	<b>10.271.822.552</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Lê Văn Quang	119.835.702.990	119.835.702.990	185.908.527.228	180.860.969.275	114.788.145.037	114.779.670.037
Dương Thủy Hà	-	-	130.000.000	130.000.000	-	-
Phạm Anh Tuấn (ii)	100.568.754.670	100.568.754.670	-	8.475.000	8.475.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	-	100.568.754.670	-	-	-
Nguyễn Thị Huyền	20.000.000	20.000.000	81.955.327.670	100.568.754.670	18.613.427.000	18.613.427.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	-	3.223.378.638	19.079.735.677	15.856.357.039	15.856.357.039
Dương Quang Lư (i)	19.046.948.320	19.046.948.320	31.066.250	12.739.881.930	31.755.764.000	31.755.764.000
Bùi Thùy Anh	-	-	-	18.728.000	18.728.000	18.728.000
Tăng Tuấn Cường	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Trọng Dũng	-	-	-	48.315.393.998	48.315.393.998	48.315.393.998
<b>Vay dài hạn</b>	<b>238.770.000</b>	<b>238.770.000</b>	-	<b>48.897.268.750</b>	<b>49.136.038.750</b>	<b>49.136.038.750</b>
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	-	-	20.041.148.750	20.041.148.750	20.041.148.750
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	-	28.750.000.000	28.750.000.000	28.750.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	238.770.000	238.770.000	-	106.120.000	344.890.000	344.890.000
<b>Thông tin về các khoản vay</b>						
Các khoản vay ngắn hạn cá nhân:						
- (i) Vay theo hợp đồng lãi suất 0% nhằm bổ sung vốn kinh doanh						
- (ii) Hợp đồng vay kèm bảo đảm tài sản có lãi suất vay theo từng lần nhận nợ						



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.13 Phải trả người bán**

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>15.173.552.344</b>	<b>15.173.552.344</b>	<b>13.577.186.905</b>	<b>13.577.186.905</b>
Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa	2.387.606.073	2.387.606.073	2.587.606.073	2.587.606.073
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Tổng Hợp	2.151.200.000	2.151.200.000	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600
Công ty CP cơ khí và xây dựng Quang Trung	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250
Ngô Đăng Tuấn	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Đối tượng khác	5.372.231.421	5.372.231.421	5.727.065.982	5.727.065.982
<b>Tổng</b>	<b>15.173.552.344</b>	<b>15.173.552.344</b>	<b>13.577.186.905</b>	<b>13.577.186.905</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Trong năm			
	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	44.582.838	69.831.649	1.869.517
Thuế Thu nhập cá nhân	-	81.573.436	39.230.615	-
Thuế khác	-	-	7.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>126.156.274</b>	<b>116.062.264</b>	<b>1.869.517</b>
				<b>50.855.000</b>
				<b>50.855.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>3.461.170.295</b>	<b>4.334.711.314</b>
Jameel International	1.209.778.431	1.176.906.830
Saud Sroor Jaber Business Eagent Kuwait	511.018.469	-
M/S, Karm Allouz Trading Est	467.014.395	454.324.872
Maac International	348.516.810	339.047.055
Diamond Food Industry Co	332.777.115	323.735.032
Khaled Houmod Alkreaishan Trading	189.355.425	-
Aljadida Company For Food Industries	163.590.000	159.145.000
Salina Trading Llc	150.619.650	146.527.075
Công ty TNHH Một thành viên con cò Bình Định	69.300.000	69.300.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Thịnh	19.200.000	-
Công ty cổ phần XNK Đức Nguyễn	-	200.000.000
TKH Gumrukeme Gemi Acentaligi		
Lojistik Gida Ithalat Ihracat sanayi veticaret Limited Sirketi	-	409.230.000
Sarl El Madina 77 Import	-	1.056.495.450
<b>Tổng</b>	<b>3.461.170.295</b>	<b>4.334.711.314</b>

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>11.678.349.563</b>	-
Chi phí thường xuyên	181.818.181	-
Chi phí lãi vay	11.496.531.382	-
<b>Tổng</b>	<b>11.678.349.563</b>	-

**5.17 Phải trả khác**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>27.344.075.924</b>	<b>27.251.906.559</b>
Bảo hiểm xã hội	312.562.508	-
Bảo hiểm y tế	156.083.981	-
Bảo hiểm thất nghiệp	85.898.762	-
Trần Minh Tuấn	26.732.329.266	26.732.329.266
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.201.407	519.577.293
<b>Tổng</b>	<b>27.344.075.924</b>	<b>27.251.906.559</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	515.999.990.000	515.999.990.000
<b>Tổng</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>515.999.990.000</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	515.999.990.000	515.999.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	515.999.990.000	515.999.990.000
Cổ tức đã chia	-	-

*Cổ phiếu*

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	Số dư đầu năm trước	Số dư đầu năm nay				
Lỗi trong năm trước	515.999.990.000	-	15.516.904.967	12.649.704.692	60.697.120.078	604.863.719.737
Tăng khác	-	-	-	(89.338.932)	(67.289.559.934)	(67.378.898.866)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	35.312.683	35.312.683
Số dư đầu năm nay	515.999.990.000	515.999.990.000	15.516.904.967	12.560.365.760	(16.706.389.354)	527.370.871.373
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	10.121.526.035	10.121.526.035
Tăng khác	-	-	-	-	70.677.155	70.677.155
Lỗi trong năm nay	-	-	-	(161.219.604)	(142.585.275.541)	(142.746.495.145)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(10.121.526.035)	-	(10.121.526.035)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>15.516.904.967</b>	<b>2.277.620.121</b>	<b>(149.099.461.705)</b>	<b>384.695.053.383</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>29.373.870.977</i>	<i>139.170.535.866</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.373.870.977	139.170.535.866

**5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm giá hàng bán	6.591.501.000	220.288.800
<b>Tổng</b>	<b>6.591.501.000</b>	<b>220.288.800</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.498.821.003	156.785.497.097
<b>Tổng</b>	<b>20.498.821.003</b>	<b>156.785.497.097</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.909.160	580.598.520
Doanh thu hoạt động tài chính khác	85.007.093	-
<b>Tổng</b>	<b>88.916.253</b>	<b>580.598.520</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	14.675.011.321	6.650.454.195
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	34.275.285	-
Chi phí tài chính khác	-	2.483.305.801
<b>Tổng</b>	<b>14.709.286.606</b>	<b>9.133.759.996</b>

142  
 CÔNG  
 CỔ P  
 G N  
 HỤC  
 NỘI-  
 LIỆ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.24 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<b>130.008.361.992</b>	<b>62.109.781.050</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.605.688.371	4.651.290.270
Chi phí vật liệu quản lý	6.352.499.960	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1.399.920.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.007.085.789	3.944.641.812
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	57.215.789
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	75.610.285.940	509.622.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.822.304	5.929.564.369
Chi phí khác bằng tiền	45.160.979.628	45.617.525.697
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<b>545.196.368</b>	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.196.368	-
<b>Tổng</b>	<b>130.553.558.360</b>	<b>62.109.781.050</b>

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.26 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(142.585.275.541)	(67.289.559.934)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(142.585.275.541)	(67.289.559.934)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	51.599.999	51.599.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(2.763,28)	(1.304,06)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

*Danh sách các bên liên quan*

Bên liên quan

Dương Quang Lư

Bùi Thuỳ Anh

Trương Danh Hùng

Trần Đình Dũng

Đỗ Thái Anh

Trương Danh Hùng

Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Phó Tổng Giám đốc

Đơn vị liên kết

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan*

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành*

	Năm 2018
	VND
Ban Giám đốc - Lương và thu nhập khác	448.422.212
Tổng	448.422.212

6.3 Thông tin khác

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần 2) của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc đã ra Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HKB ngày 20/07/2018. Theo Điều 8 Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng Quản trị quyết định một số thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

Nguyễn Hoàng Nam

Kế toán trưởng

Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT

kiểm Tổng Giám đốc



Dương Quang Lư

